Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 04.07.2016 16:15:01 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 76/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2016*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Giờ 5 Ngày 2/6/6
Kính chuyển: TTĐT

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 2/6

THÔNG TƯ

Quy định việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Nghị quyết số 1094/NQ-UBTVQH13 ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan;

b) Tổng cục Thuế; Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các đơn vị dự toán và các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thuế;

c) Tổng cục Hải quan; Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị dự toán và các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Hải quan.

Điều 2. Về biên chế

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi là Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg).

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động

1. Kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan:

a) Kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng, mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị) được phân bổ hàng năm theo mức ổn định là 1,8% (đối với Tổng cục Thuế) và 2,1% (đối với Tổng cục Hải quan) trên dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm do Quốc hội, Chính phủ giao Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện và được tổng hợp trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội quyết định.

(Danh mục các khoản thu để xác định dự toán thu, làm cơ sở để xác định kinh phí hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan theo phụ lục đính kèm Thông tư này).

b) Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo chủ trương và yêu cầu thay đổi chính sách hiện hành. Trường hợp do các yếu tố khách quan mà mức kinh phí được giao của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không đủ để bảo đảm mức chi tối thiểu duy trì hoạt động của bộ máy thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Ngoài nguồn kinh phí được giao quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, hàng năm Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan còn được sử dụng các nguồn kinh phí sau:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước giao:

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo chương trình của Nhà nước.

- Thực hiện các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác của Chính phủ ngoài nhiệm vụ thường xuyên.

- Thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định.

b) Phí và lệ phí được phép để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được sử dụng theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trên đây, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan phải thực hiện theo đúng nội dung sử dụng, đúng chế độ định mức chi theo quy định hiện hành đối với từng nguồn kinh phí.

Điều 4. Sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động

1. Nguồn kinh phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này được phân bổ và giao dự toán cho Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan đảm bảo: Chi đầu tư xây dựng tối thiểu 10%, chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị tối thiểu 25% và chi hoạt động thường xuyên tối đa 65% trên nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg.

2. Nội dung sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động:

a) Chi đầu tư xây dựng:

- Thực hiện các dự án đầu tư, công trình của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong trường hợp cần thiết, phải tập trung vốn đẩy nhanh tiến độ để sớm đưa vào khai thác, sử dụng dự án, công trình đang triển khai nhưng chưa bố trí đủ vốn, Bộ trưởng Bộ Tài chính được điều chuyển vốn đầu tư đã bố trí của dự án, công trình thuộc Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ.

Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng.

b) Chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị:

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Chi ứng dụng công nghệ thông tin theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện các chương trình, dự án của Bộ Tài chính có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc điều hành dự toán kinh phí, quản lý, mua sắm tài sản hiện đại hóa trang thiết bị nêu trên đảm bảo đáp ứng mục tiêu, yêu cầu hiện đại hoá của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và hệ thống Tài chính theo đúng quy định.

c) Chi hoạt động thường xuyên của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan gồm các nội dung sau:

- Chi thanh toán cá nhân (bao gồm cả chi tiền lương tăng thêm, chi khen thưởng theo chế độ do nhà nước quy định, chi thuê khoán công việc và hợp đồng lao động thuê ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg).

- Chi quản lý hành chính và chi bảo đảm các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, gồm:

+ Chi các khoản dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền thông, liên lạc, hội nghị, công tác phí, thuê mướn (bao gồm cả thuê tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn của cơ quan thuế, hải quan) và một số khoản chi khác theo quy định.

+ Chi tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thuế, hải quan; hỗ trợ người nộp thuế.

+ Chi các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan nhằm ngăn chặn các hành vi trốn lậu thuế, vi phạm pháp luật và đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ thuế, hải quan.

+ Chi mua vật tư, ấn chỉ, ủy nhiệm thu thuế, trang phục, huấn luyện và nuôi chó nghiệp vụ, quản lý rủi ro và các khoản chi nghiệp vụ đặc thù khác.

+ Chi phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác thuế, hải quan để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

+ Chi bồi thường thiệt hại cho tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật trong hoạt động nghiệp vụ.

+ Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo chương trình, kế hoạch.

+ Chi sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ.

+ Chi đoàn đi công tác nước ngoài; chi đón, tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam, đóng góp niên liễm với các tổ chức quốc tế theo quy định.

+ Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức trong Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính.

+ Chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức Đảng theo Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng; chi chế độ đối với cán bộ tự vệ; chi bảo đảm, hỗ trợ hoạt động của các đoàn thể theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

+ Các khoản chi thường xuyên khác.

Điều 5. Tiêu chuẩn, mức chi, chế độ chi

1. Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, mức chi đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chỉ đạo các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức thực hiện theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước.

2. Đối với các khoản chi đặc thù phục vụ nhiệm vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng nguồn kinh phí, trên cơ sở vận dụng các tiêu chuẩn, mức chi quy

định hiện hành để xây dựng tiêu chuẩn, mức chi đặc thù cho phù hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành.

3. Mức chi tiền lương, tiền công đối với công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan áp dụng không vượt quá 1,8 lần so với mức lương đối với công chức, viên chức do Nhà nước quy định; tiền lương tăng thêm không bao gồm phụ cấp công vụ, tiền lương làm đêm, làm thêm giờ. Mức lương cơ sở để tính tiền lương, tiền công đối với công chức, viên chức và người lao động của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được điều chỉnh theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương của Nhà nước.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan quyết định việc phân phối tiền lương, tiền công theo kết quả chất lượng hoàn thành công việc của từng công chức, viên chức và người lao động theo nguyên tắc công bằng hợp lý, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, đồng thời phải được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

Điều 6. Xác định kinh phí tiết kiệm

Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này, phần chênh lệch giữa số chi thực tế thấp hơn phần dự toán kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm, cụ thể như sau:

1. Chi các hoạt động được giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 (sau đây gọi là Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013) đã thực hiện xong đầy đủ nhiệm vụ, khối lượng công việc theo dự toán được duyệt, đảm bảo chất lượng thì kinh phí chưa sử dụng hết là khoản kinh phí tiết kiệm.

2. Các hoạt động nghiệp vụ đặc thù đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 nếu không thực hiện nhiệm vụ đã giao hoặc không thực hiện đầy đủ số lượng, khối lượng công việc hoặc thực hiện không đảm bảo chất lượng thì không được xác định là kinh phí tiết kiệm, phải chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện (bao gồm cả trường hợp công việc đang thực hiện dở dang) và được phân bổ vào kinh phí giao tự chủ của năm sau; đối với công việc đã thực hiện một phần thì được quyết toán phần kinh phí đã triển khai theo quy định.

Điều 7. Sử dụng kinh phí tiết kiệm

Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được sử dụng kinh phí tiết kiệm cho các nội dung sau:

1. Sử dụng để bố trí cho các công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa tài sản và mua sắm trang thiết bị hiện đại hóa trong trường hợp cần thiết cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất và hiện đại hóa ngành trong khi nguồn kinh phí theo quy định chưa đáp ứng được.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch, danh mục, dự toán theo quy định và phù hợp với thẩm quyền được phân cấp.

2. Trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; hỗ trợ công chức, viên chức và người lao động gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc những trường hợp đặc biệt khác; hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục; hỗ trợ các hoạt động tổ chức đảng, đoàn thể của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.

3. Bổ sung thêm thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tối đa 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức viên chức do Nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp; trừ phụ cấp công vụ, tiền lương làm đêm, làm thêm giờ).

Mức chi bổ sung thu nhập cho từng công chức, viên chức và người lao động do Thủ trưởng cơ quan quyết định trên nguyên tắc gắn với hiệu quả công việc, công bằng, hợp lý, đồng thời phải thống nhất với tổ chức công đoàn cơ quan và được công khai trong toàn cơ quan.

4. Chi khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan có thành tích đóng, góp hỗ trợ cho hoạt động quản lý thuế, hải quan; chi phúc lợi tập thể.

Mức chi khen thưởng, phúc lợi trong Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập thực tế thực hiện trong năm.

5. Số kinh phí còn lại sau khi đã sử dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

6. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan sử dụng kinh phí tiết kiệm tại khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên phù hợp với thẩm quyền được phân cấp và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

Điều 8. Kinh phí bảo đảm hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan thực hiện theo cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kinh phí Nhà nước hỗ trợ, bảo đảm chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp (nếu có) được bố trí từ nguồn kinh phí được giao quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được áp dụng chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán

1. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí (bao gồm chi đầu tư xây dựng, chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị và chi hoạt động thường xuyên) thực hiện theo quy định tại Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg và quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc xác định kinh phí giao tự chủ và kinh phí không giao tự chủ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013. Căn cứ kinh phí được giao tự chủ và kinh phí không giao tự chủ, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan chủ động sử dụng nguồn kinh phí phù hợp với nhu cầu thực tế, nhiệm vụ chuyên môn đặc thù và trong phạm vi kinh phí được giao.

3. Kinh phí hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng cho từng nhóm nội dung cụ thể.

4. Kinh phí hoạt động giao cho Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan (bao gồm cả các quỹ) từ năm 2015 trở về trước còn dư chưa sử dụng, thanh toán được tiếp tục sử dụng cho nhiệm vụ chuyên môn, chi đầu tư xây dựng và chi mua sắm tài sản, hiện đại hoá trang thiết bị.

Căn cứ vào số kinh phí chưa sử dụng, chưa thanh toán và nhu cầu chi đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn, đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, hiện đại hoá trang thiết bị, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan lập kế hoạch, danh mục, dự toán báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định sử dụng số kinh phí trên bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2016. Các nội dung quy định tại Thông tư này được áp dụng cho các năm ngân sách từ 2016 đến hết năm 2020.

2. Thông tư số 59/2011/TT-BTC ngày 12/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan giai đoạn 2011 – 2015 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bộ Tài chính (quản lý ngành) chịu trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Thuế, hệ thống Hải quan theo quy định tại Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg và quy định tại Thông tư này.

4. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính (quản lý ngành), Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện đối với các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống Thuế, hệ thống Hải quan.

Quý III năm 2020, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế giai đoạn 2016-2020, xây dựng cơ chế quản lý tài chính và biên chế cho giai đoạn tiếp theo báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ, trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Kho bạc Nhà nước;
- Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan;
- Cục Thuế, Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc BTC;
- Lưu: VT, Vụ HCSN (200 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

PHỤ LỤC XÁC ĐỊNH DỰ TOÁN THU

(Kèm theo Thông tư số 76/2016/TT-BTC ngày 30/5/ 2016 của Bộ Tài chính)

1. Danh mục các khoản thu để xác định dự toán thu, làm cơ sở tính kinh phí hoạt động của Tổng cục Thuế, gồm:

a) Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng.

b) Các khoản thu thuế nội địa (không kể dầu thô), gồm:

- Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả khoản chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu);

- Thuế tài nguyên;

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất từ các năm trước (nếu có);

- Thuế nhà, đất (nếu có);

- Thuế thu nhập cá nhân;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Thuế bảo vệ môi trường (không bao gồm thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu);

- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;

- Thu tiền bán tài sản nhà nước, bao gồm cả tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất;

- Thu tiền sử dụng đất;

- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước;

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan thuế quản lý;

- Thu về khí thiên nhiên của Chính phủ được phân chia theo hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí;

- Lệ phí trước bạ;

- Thu phí và lệ phí.

- Thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;

Thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

2. Danh mục các khoản thu để xác định dự toán thu, làm cơ sở tính kinh phí hoạt động của Tổng cục Hải quan, gồm:

a) Thuế xuất khẩu;

b) Thuế nhập khẩu;

c) Thuế nhập khẩu bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

đ) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu;

e) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;

g) Lệ phí hải quan;

h) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan trung ương thực hiện;

i) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan hải quan xử lý./.